

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ
ĐỊA ỐC NO VA

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

-----oOo-----

Số: 368/2024 - CV - NVLG

TP.HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2024

V/v: Công bố thông tin về nội dung Nghị quyết Người
Sở Hữu Trái phiếu NVLH2123010 (được thông qua
bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Căn cứ vào:

- (i) Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- (ii) Nghị định số 65/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 16/09/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- (iii) Nghị định số 08/2023/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 05/03/2023 Sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- (iv) Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu 15/09/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va liên quan đến đợt phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản, bằng Việt Nam đồng, mã NVLH2123010, đáo hạn năm 2025, có tổng mệnh giá phát hành là 1.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một ngàn tỷ đồng), tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành 864.003.400.000 (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi bốn tỷ không trăm lẻ ba triệu bốn trăm nghìn đồng) ("**Trái Phiếu NVLH2123010**");
- (v) Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu NVLH2123010;
- (vi) Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu mã NVLH2123010 số 368/2024 - CV - NVL ngày 10/10/2024,

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("Tổ Chức Phát Hành") xin được gửi tới Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội ("Quý Sở Giao Dịch") lời chào trân trọng nhất và cảm ơn Quý Sở Giao Dịch đã hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong thời gian qua.

Tổ Chức Phát Hành thực hiện công bố thông tin bất thường như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
- Địa chỉ trụ sở chính: 313B – 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444753 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 1992 và các lần sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.

2. Thông tin công bố:

- Nội dung thay đổi Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu NVLH2123010, chi tiết theo Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu mã NVLH2123010 (được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 368/2024 - CV - NVL ngày 10/10/2024 (đính kèm công văn này); và

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

Nơi nhận:

- HNX;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGHỊ QUYẾT NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI
PHIẾU NVLH2123010

, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Số: 10/10/2024/MBS - NVL

NGHỊ QUYẾT

(V/v: Bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Trái Phiếu NVLH2123010)

NHỮNG NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NVLH2123010

- Căn cứ Bản Công Bố Thông tin Trái Phiếu NVLH2123010 ngày 15/09/2021;
- Căn cứ Các Văn Kiện Trái Phiếu NVLH2123010;
- Căn cứ Thông báo số 348/2024-CV-NVLG ngày 26/09/2024 của TCPH ("Thông báo số 348");
- Căn cứ Thông báo số 82/2024/MBS-TB ngày 26/09/2024 của Đại diện người sở hữu Trái phiếu;
- Căn cứ Danh sách Người Sở Hữu Trái phiếu NVLH2123010 số 1851/2024-NVLH12101/VSDC-ĐK của VSDC;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đối với các nội dung xin ý kiến của Tổ Chức Phát Hành ("TCPH") tại Thông báo số 348 của TCPH:

- Đồng ý Nội dung 1 đối với các mục 1, 2, 3 và Nội dung 2;
- Đối với Nội dung 1, mục 4: Không đồng ý việc không phải thực hiện thế chấp các quyền tài sản của Công ty CP Đầu tư Địa ốc Nova do giá trị cổ phiếu NVL đang tiếp tục suy giảm ảnh hưởng đến giá trị Tài Sản Bảo Đảm của trái phiếu. Trái chủ đề nghị Tổ Chức Phát Hành, Công ty CP Đầu tư Địa ốc Nova hoàn tất thủ tục ký Hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm ngay khi đủ điều kiện.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các cá nhân, bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

Nghị Quyết này là một văn bản sửa đổi, bổ sung không tách rời kèm theo các Văn Kiện Trái Phiếu bao gồm Bản Công Bố Thông Tin chào bán Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Hợp đồng và các văn bản, thỏa thuận, phụ lục sửa đổi bổ sung đính kèm.

Nơi nhận:

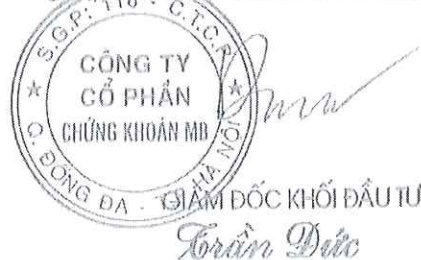
- Như Điều 3;

- Lưu.

TM. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU

TRÁI PHIẾU

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB



TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ

ĐIẢ ỐC

NOVA

NGUYỄN TECK YOW

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG XIN Ý KIẾN THEO THÔNG BÁO SỐ 348

Nội dung 1: Phương án bổ sung tài sản bảo đảm.

1. Thông tin chi tiết tài sản bảo đảm bổ sung:

- Tài sản bảo đảm bổ sung: Quyền sử dụng đất của Dự án khu đô thị dịch vụ thương mại cao cấp Cù Lao Phước Hưng – phân khu 3, khu phố Long Khánh 2, Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH Bất động sản Gia Đức, thông tin chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Văn bản này (“Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03”).
- Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 sẽ được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Trái Phiếu NVLG sau nghĩa vụ của Trái Phiếu Gia Đức.
- Nghĩa vụ được bảo đảm của Trái Phiếu NVLG từ Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03:
 - ✓ Tối đa 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng) (“Giá trị Bảo Đảm Bổ Sung Tối Đa Trái Phiếu NVLG”);
 - ✓ 2 lần hệ số bảo đảm (“LTV”) của Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 là 30%, theo đó giá trị tài sản bảo đảm này được tính vào công thức Tỷ Lệ Bảo Đảm quy định tại Điều 4.3C Thỏa Thuận Sửa Đổi T&C tối đa là 90.000.000.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng).
 - ✓ Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu NVLG dự kiến sau khi bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 trên tổng mệnh giá Trái Phiếu NVLG đang lưu hành tối thiểu bằng 100% theo quy định tại Điều 4.3C Thỏa Thuận Sửa Đổi T&C. Để làm rõ, Tổng Mệnh Giá Trái Phiếu NVLG Đang Lưu Hành bao gồm dư nợ của Quý Trái Chủ đã đồng ý kéo dài kỳ hạn Trái Phiếu theo Nghị Quyết 1906 và dư nợ của Quý Trái Chủ không đồng ý kéo dài kỳ hạn Trái Phiếu NVLG.

2. Quy định về việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung

Khi Trái phiếu NVLG phát sinh Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu NVLG và/hoặc thuộc trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm; hoặc Trái Phiếu NVLG đáo hạn và Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Văn kiện Trái Phiếu NVLG, (các) hợp đồng thế chấp Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán thì Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 chỉ được xử lý khi phát sinh một trong các sự kiện sau:

- (i) Gia Đức đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm của Trái Phiếu Gia Đức quy định tại văn kiện Trái Phiếu Gia Đức.
- (ii) Trái Phiếu Gia Đức đã phát sinh sự kiện xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1250.21.201.15382574.BD ngày 30/12/2021 giữa Gia Đức và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (“Hợp Đồng Thế Chấp Trái Phiếu Gia Đức”) và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (“MB”) với vai trò là đại lý quản lý tài sản bảo đảm của Trái Phiếu Gia Đức và trái chủ Trái Phiếu Gia Đức quyết định xử lý Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung theo quy định tại Hợp Đồng Thế Chấp Trái Phiếu Gia Đức và văn kiện Trái Phiếu Gia Đức.

3. Quản lý Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung

Việc rút, giải chấp bớt Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03, bổ sung thêm tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu NVLG sẽ được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng quản lý Tài sản bảo đảm 2 số 157.23.201.2063105/QLTSBD2/MBS-MBB-NVL ngày 25/05/2023 ký giữa Tổ Chức Phát

Hành, MB, MBS, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Nova Phúc Nguyên, Công ty Cổ phần Nova Princess Residence (“Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám 2 Trái Phiếu NVLG”) đồng thời phải đáp ứng và tuân thủ đầy đủ các điều kiện sau:

- (i) Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ Trái Phiếu NVLG sẽ do MB quyết định sau khi đã trừ đi tỷ lệ Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ Trái Phiếu Gia Đức, với giá trị bảo đảm tối đa cho nghĩa vụ Trái Phiếu NVLG không vượt quá 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: ba trăm tỷ đồng) (“Tỷ Lệ Bảo Đám Cho Trái Phiếu NVLG”).
- (ii) Với vai trò đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu Gia Đức và Trái Phiếu NVLG, MB sẽ tính toán và quyết định về tỷ lệ Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 được rút, giải chấp bớt trên cơ sở phù hợp với quy định của Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám số 110.21.232.15382574.QLTSBD ngày 30/12/2021 giữa Công ty TNHH Bất động sản Gia Đức, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va và Bà Huỳnh Phương Thảo (“Hợp Đồng Quản Lý TSBD Gia Đức”). Trường hợp MB đồng ý để Bên thế chấp giải chấp một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 theo Hợp Đồng Quản Lý TSBD Gia Đức, MBS có nghĩa vụ phối hợp với MB và Bên thế chấp để thực hiện thủ tục giải chấp Tài sản thế chấp theo yêu cầu của Bên thế chấp và MB.
- (iii) Trong trường hợp việc rút, giải chấp Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 theo điểm (ii) nêu trên dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ Trái Phiếu NVLG theo quy định của Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám 2 Trái Phiếu NVLG, thì Tổ Chức Phát Hành chỉ bổ sung tài sản theo Tỷ Lệ Bảo Đám Cho Trái Phiếu NVLG theo điểm (i) nêu trên. Để làm rõ sau khi Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung lần 03 đã rút, giải chấp, trong trường hợp Tỷ Lệ Bảo Đám của Trái Phiếu NVLG vượt 100% tổng mệnh giá Trái phiếu đang lưu hành trở lên, Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải bổ sung thêm bất kỳ tài sản bảo đảm nào; và Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 (sau khi đã rút, giải chấp theo điểm (ii) nêu trên) sẽ không chịu ràng buộc đảm bảo cho nghĩa vụ của Trái Phiếu NVLG; đồng thời MB, MBS và Gia Đức đồng ý ký kết các tài liệu liên quan để thanh lý, chấm dứt các hợp đồng thế chấp có liên quan hoặc các hợp đồng thế chấp mặc nhiên được thanh lý và chấm dứt hiệu lực.
- (iv) Khi Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03 được rút, giải chấp theo quy định tại nội dung này và Hợp Đồng Thế Chấp Gia Đức, Quý Trái Chủ đồng ý và ủy quyền cho MB, MBS và Gia Đức thực hiện ký kết các tài liệu liên quan để thanh lý, chấm dứt (các) Hợp đồng thế chấp/cầm cố Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung hoặc các Hợp đồng thế chấp mặc nhiên được thanh lý và chấm dứt hiệu lực.

4. Điều chỉnh danh sách tài sản bảo đảm bổ sung theo Nghị Quyết 1906

Liên quan đến việc bổ sung tài sản bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, các bên bảo đảm theo Nghị Quyết 1906 và Nghị Quyết 2410, Tổ Chức Phát Hành đề xuất đến Quý Trái Chủ về việc thay đổi một phần phương án bổ sung Tài Sản Bảo Đám mà Quý Trái Chủ đã phê duyệt tại Nghị Quyết 1906, cụ thể như sau:

Đối với các tài sản bảo đảm còn lại theo Phụ lục 2 đính kèm Văn bản này (“Tài Sản Bảo Đám Còn Lại”), Tổ Chức Phát Hành đề xuất Quý trái chủ chấp thuận cho Tổ Chức Phát Hành và các bên bảo đảm không phải thực hiện thế chấp bổ sung các Tài Sản Bảo Đám Còn Lại này.

❖ Nội dung 2: Các vấn đề liên quan khác đối với Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung Lần 03:

Chấp thuận và ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành, MB, MBS, Gia Đức và các bên khác cùng phối hợp để thực hiện các công việc liên quan đến bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03 bao gồm nhưng không giới hạn việc:

- (i) Định giá Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03;
- (ii) Quyết định nội dung và ký kết (các) hợp đồng thế chấp Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03;
- (iii) Sửa đổi văn kiện Trái Phiếu NVLG (nếu cần thiết);
- (iv) Triển khai thực hiện các công việc khác theo quy định của (các) hợp đồng thế chấp Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung Lần 03, các văn kiện trái phiếu NVLG trên cơ sở phù hợp chấp thuận của Quý Trái Chủ về các nội dung xin ý kiến tại Văn bản này.

116

ÔNG
Ổ P
6 KH

A

Y
Ô
C
JO
DI
N
HR

Mr

PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CHI TIẾT TÀI SẢN BẢO ĐAM BỔ SUNG

(Đính kèm Nghị quyết của Người Sờ Hữu Trái Phiếu NVLH2123010 ngày 10. tháng 10 năm 2024)

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409481	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47355	259	91	4.384,7	Sử dụng riêng
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409482	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47356	262	91	6.883,7	Sử dụng riêng
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409483	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47357	264	91	2.716,5	Sử dụng riêng
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409494	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47368	282	91	2.860,4	Sử dụng riêng
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409495	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47369	285	91	8.079,5	Sử dụng riêng
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409496	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47370	287	91	50,0	Sử dụng riêng
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409497	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47371	289	91	7.137,9	Sử dụng riêng
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409498	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47372	291	91	15.539,4	Sử dụng riêng
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409499	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47373	293	91	2.375,0	Sử dụng riêng

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
	dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			Môi trường tỉnh Đồng Nai					riêng
10	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409500	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47374	294	91	3.750,0	Sử dụng riêng
11	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409601	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47375	295	91	3.750,0	Sử dụng riêng
12	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409602	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47376	296	91	3.750,0	Sử dụng riêng
13	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409603	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47377	297	91	3.750,0	Sử dụng riêng
14	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409604	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47378	298	91	3.750,0	Sử dụng riêng
15	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409605	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47379	299	91	939,9	Sử dụng riêng
16	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409606	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47380	300	91	1.380,2	Sử dụng riêng
17	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409607	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47381	303	91	1.535,0	Sử dụng riêng

[Handwritten signature]

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
18	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409614	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47388	318	91	1.484,8	Sử dụng riêng
19	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409615	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47389	319	91	2.575,0	Sử dụng riêng
20	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409616	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47390	320	91	4.257,9	Sử dụng riêng
21	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409617	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47391	324	91	8.706,9	Sử dụng riêng
22	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409618	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47392	325	91	3.555,7	Sử dụng riêng
23	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409619	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47393	326	91	2.875,0	Sử dụng riêng
24	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409620	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47394	328	91	2.875,0	Sử dụng riêng
25	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409621	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47395	329	91	4.375,0	Sử dụng riêng
26	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409622	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47396	330	91	941,6	Sử dụng riêng

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
27	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409623	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47397	333	91	5.744,4	Sử dụng riêng
28	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409624	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47398	335	91	4.046,0	Sử dụng riêng
29	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409625	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47399	336	91	4.070,0	Sử dụng riêng
30	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409626	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47400	337	91	4.070,0	Sử dụng riêng
31	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409627	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47401	338	91	4.070,0	Sử dụng riêng
32	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409628	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47402	339	91	9.625,3	Sử dụng riêng
33	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409640	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47414	361	91	2.114,6	Sử dụng riêng
34	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409641	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47415	362	91	3.604,3	Sử dụng riêng
35	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409642	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47416	363	91	5.905,4	Sử dụng riêng

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
36	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409643	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47417	366	91	50,0	Sử dụng riêng
37	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409644	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47418	368	91	2.627,9	Sử dụng riêng
38	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409645	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47419	371	91	3.563,0	Sử dụng riêng
39	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409646	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47420	372	91	10.088,5	Sử dụng riêng
40	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409659	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47433	400	91	2.495,0	Sử dụng riêng
41	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409660	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47434	401	91	5.015,0	Sử dụng riêng
42	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409661	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47435	404	91	19.936,4	Sử dụng riêng
43	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409662	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47436	407	91	4.481,9	Sử dụng riêng
44	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409663	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47437	412	91	8.414,9	Sử dụng riêng

TT	Tên giấy chứng nhận	Số GCNQSDĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số vào sổ cấp GCN	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa chấp (m2)	Hình thức sử dụng
45	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CT 409664	27/11/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 47438	413	91	4.229,7	Sử dụng riêng
46	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CV 610828	09/10/2020	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 55536	459	91	142,3	Sử dụng riêng
47	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	CV 308289	09/10/2020	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	CT 55518	460	91	774,9	Sử dụng riêng



ĐV

